

Số: /QĐ-SNNMT

Lâm Đồng, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư 17/2025/TT-BNNMT về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc Ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản, chăn nuôi, thú y, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng;

Xét đơn đề nghị và hồ sơ năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng); Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm số 01/BB-ĐGPKN ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Đoàn đánh giá theo Quyết định số 107/QĐ-CCPT; Báo cáo kết quả khắc phục các điểm không phù hợp của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng) ngày 18/12/2025;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng), địa chỉ: Khu dân cư Bắc Xuân An - Phường Hàm Thắng - tỉnh Lâm Đồng được chỉ định kiểm nghiệm thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có tên trong danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

- Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **01/2025/SNNMT-LĐ-KNTP**.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng) có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc Sở;
- Cục Chất lượng, CB&PTTT(báo cáo);
- Lưu VT, CCPT .

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoàng Phúc

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo QĐ định số /QĐ-SNNMT ngày /12/2025 của Sở Nông
nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng)

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ Phạm vi đo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Định lượng vi khuẩn hiếu khí	Thực phẩm (Thịt và sản phẩm thịt; Thủy sản và sản phẩm thủy sản; nước mắm, nước tương, rau; quả; chè; ngũ cốc; gia vị; đường; trứng và sản phẩm của trứng)	TCVN 4884-1:2015	10 CFU/g 1 CFU/ml
2	Định lượng Coliform tổng số		TCVN 6848:2007	10 CFU/g 1 CFU/ml
3	Phát hiện và định lượng Coliform		TCVN 4882:2007	0 MPN/g (ml)
4	Định lượng E.Coli giả định		TCVN 6846:2007	0 MPN/g (ml)
5	Định lượng E.Coli		TCVN 7924-2:2008	10 CFU/g 1 CFU/ml
6	Định lượng tổng số bào tử nấm men và nấm mốc		TCVN 8275-1:2010	10 CFU/g 1 CFU/ml
			TCVN 8275-2:2010	10 CFU/g
7	Định lượng Staphylococci phản ứng dương tính với Coagulase	Thực phẩm (Thịt và sản phẩm thịt; Thủy sản và sản phẩm thủy sản; nước mắm, nước tương, rau; quả; chè; ngũ cốc; gia vị; đường; trứng và sản phẩm của trứng)	TCVN 4830-1:2005	10 CFU/g 1 CFU/ml
8	Phát hiện và Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với Coagulase (Staphylococcus aureus và các loài khác)		TCVN 4830-3:2005	0 MPN/g (ml)
9	Phát hiện Salmonella		TCVN 10780-1:2017	/25g (ml)
10	Phát hiện Vibrio parahaemolyticus		TCVN 7905-1:2008	/25g (ml)
11	Xác định hàm lượng muối NaCl		TCVN 3701:2009	0,4 g/Kg (L)

12	Xác định hàm lượng Nito tổng số và protein	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	TCVN 3705:1990	0,28 g/Kg (L)
13	Xác định hàm lượng Nito Amoniac		TCVN 3706:1990	0,15 g/Kg (L)
14	Hàm lượng Nito Acid amin		TCVN 3708:1990	0,34 g/Kg (L)
15	Xác định dư lượng Chloramphenicol		TĐCBTh.SK.00 1/2019 (LC/MS/MS)	0,1 µg/Kg
16	Xác định hàm lượng thủy ngân (Hg)		AOAC 974.14	0,02 mg/Kg
17	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd), Chì (Pb)		TCVN 10643:2014	Cd:0,005mg/Kg Pb: 0,01 mg/Kg
18	Xác định hàm lượng Asen (As)		AOAC 986.15	0,01 mg/Kg
19	Xác định hàm lượng Asen (As)	Rau quả và sản phẩm rau quả	AOAC 986.15	0,01 mg/Kg
20	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd), Chì (Pb)		TCVN 10643:2014	Cd:0,002mg/Kg Pb:0,008mg/Kg
21	Xác định hàm lượng thủy ngân (Hg)		TCVN 7604:2007	0,01 mg/Kg
22	Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ Triazole (Difenoconazole, Hexaconazole, Propiconazole)		TĐCBTh.SK.01 5/2019 (Ref.AOAC 2007.01-LC/MS/MS)	0,01 mg/Kg